

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/ST- HNGĐ
Ngày: 28-02- 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Ngọc Minh và bà Lê Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Lưu Thị Kim Thuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 326/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST–HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22-02-2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Bá Nữ Thùy T – Sinh năm: 1996 – Có mặt

Hộ khẩu thường trú: khu phố x, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Chỗ ở hiện tại: khu phố y, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: anh La Ngọc Đ – Sinh năm: 1992 – Vắng mặt.

Địa chỉ: khu phố x, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 03-10-2022 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bá Nữ Thùy T trình bày:*

Về hôn nhân: chị và anh Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N theo giấy chứng nhận kết hôn số 125 ngày 02-8-2013 (giấy chứng nhận kết hôn đã thất lạc). Trong thời kỳ hôn nhân, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Chị và anh Đ đã không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2022 cho tới nay, trong thời gian này không ai còn quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với anh La Ngọc Đ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh Đ có hai con chung là cháu: Ngọc Đức H – Sinh ngày: 19-10-2018 và La Ngọc Tú N, sinh ngày: 22-6-2020, cháu hiện tại đang do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Bị đơn trình bày:* Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

** Đ diện viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu về thủ tục tố tụng cũng như nội dung giải quyết vụ án được tóm tắt như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng, đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần 2 không có lý do chính đáng nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 14; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bá Nữ Thùy T đối với bị đơn anh La Ngọc Đ về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Buộc chị Bá Nữ Thùy T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Quan hệ tranh chấp được xác định là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Bị đơn được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân:

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định được chị T và anh Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N theo giấy chứng nhận kết hôn số 125 ngày 02-8-2018. Thời điểm kết hôn, có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét lời trình bày của chị T về tình trạng hôn nhân, phù hợp với biên bản xác minh ngày 02-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện N nên có đủ cơ sở kết luận: do bất đồng quan điểm sống nên chị T và anh Đ tự ý sống cách xa nhau, trong thời gian gian sống cách xa nhau không ai còn quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống. Mặt khác, anh Đ đã được Tòa án thông báo về việc khởi kiện của chị T nhưng không có ý kiến phản đối.

Từ sự phân tích trên có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn

cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Đ.

[2.2]. Về con chung: Xét chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là có cơ sở bởi lẽ: từ khi sống cách xa nhau, chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu La Ngọc Đức H – Sinh ngày: 19-10-2018 và La Ngọc Tú N, sinh ngày: 22-6-2020, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con.

Tòa án đã giải thích về quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy Nên chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002742 ngày 17-10-2022.

[3]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xử lý về án phí là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bá Nữ Thùy T đối với anh La Ngọc Đ về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

1. Về hôn nhân: chị Bá Nữ Thùy T được ly hôn với anh La Ngọc Đ;

2. Về con chung: Giao con chung là cháu: La Ngọc Đức H – Sinh ngày: 19-10-2018 và La Ngọc Tú N, sinh ngày: 22-6-2020 chị Bá Nữ Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Bá Nữ Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Bá Nữ Thùy T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002742 ngày 17-10-2022, chị Bá Nữ Thùy T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt Nguyên đơn. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND thị trấn P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Y Phạm Ngọc Minh

Trần Văn Tùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Y Phạm Ngọc Minh

Trần Văn Tùng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Phước Vinh, N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Tùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi: 09h00', ngày 30 tháng 10 năm 2020

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hường và bà Bá Thị Thu Vân

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 331/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2020 về Ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Trung Luật - Sinh năm: 1978; trú tại: Đội 1, Hợp tác xã 4, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Cao Thị Ngọc Phúc - Sinh năm: 1985; trú tại: Thôn 4, xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở hiện tại: Thôn Thái Giao, huyện N, tỉnh Ninh Thuận – Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được triệu tập hợp, có ý kiến vắng văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Điều luật áp dụng: Căn cứ: khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của ông Trần Trung Luật với bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trung Luật được ly hôn với anh bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Thùy Dương, sinh ngày 22-5-2004 cho ông Trần Trung Luật trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (Cháu Dương đang ở cùng ông Luật). Bà Cao Thị Ngọc Phúc không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Luật không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về án phí: Ông Trần Trung Luật phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Tòa án ông Luật đã nộp theo Biên lai tu tiền số 0006067 ngày 10-6-2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09h30' ngày 30 tháng 10 năm 2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ông Tuấn trình bày trong thời gian chung sống ông và bà Du có mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017, trong thời gian không chung sống không ai còn quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống.

